

**SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC HỒNG NGỰ 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 73 /TTYTKVHN1-DCLS

Hồng Ngự, ngày 18 tháng 08 năm 2025

V/v thông báo mời chào giá mua sắm
vắc xin theo hình thức dịch vụ
năm 2025 lần 2.

Kính gửi: Các công ty sản xuất và cung cấp vắc xin tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Hồng Ngự 1 có nhu cầu nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua sắm vắc xin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025 lần 2 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Hồng Ngự 1.
 2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Nguyễn Tuấn Tú, Phó Trưởng Khoa Dược – Cận lâm sàng, điện thoại: 0939696306, email: nguyentuanu283848@gmail.com.
 3. Cách thức tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế khu vực Hồng Ngự 1; địa chỉ: đường Chu Văn An, khóm 3 phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: nguyentuanu283848@gmail.com.
 4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 20 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 03 tháng 9 năm 2025
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 09 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục yêu cầu báo giá: Theo phụ lục danh mục đính kèm.
2. Hồ sơ kèm theo báo giá:
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược của nhà cung cấp.

- Giấy phép lưu hành sản phẩm của vắc xin.
- Tài liệu chứng minh đạt các nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật của vắc xin.

3. Địa điểm cung cấp: giao hàng tại khoa Dược – Cận lâm sàng, Trung tâm Y tế khu vực Hồng Ngự 1; địa chỉ: đường Chu Văn An, khóm 3 phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Bắt đầu từ tháng 09 năm 2025.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày bên mua nhận được hàng hóa và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

6. Các thông tin khác: không có.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, D-CLS

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hóa



Số báo số : 73/TTYTKVHNI-DCLS ngày 18 tháng 08 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Hồng Ngự 1)

BMT nên kiểm tra lại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biết định dạng hiện tại đang dùng trong Excel;
<https://prn1.sc-kDUF4BXJobx>

Nhập thông tin Nồng độ, hàm lượng ví dụ: 5mg/ml...

*Nhập
số thứ
tự tăng
dần từ*

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	VX.01	Vắc xin phòng cúm mùa chứa: - A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR -190); - A/South Australia/34/2019 (H3N2)-sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197); - B/Washington/02/2019- sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã); - B/Phuket/3073/2013- sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã); - Vắc xin dạng mảnh, bất hoạt (Vaxigrip Tetra)	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15mcg HA	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	2500
2	VX.02	Vắc xin phòng cúm mùa chứa: - A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR -190); - A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197); - B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type); - B/Washington/02/2019, wild type); - B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type); (Influvac Tetra)	Nhóm 1	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) - 15 mcg haemagglutinin; A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197) - 15 mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) - 15 mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type) - 15 mcg haemagglutinin	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Hỗn dịch tiêm	Liều	2500
3	VX.03	Vắc xin phòng thương hàn chứa Polysaccharide của <i>Salmonella typhi</i> chủng Ty2 (Typhim Vi)	Nhóm 1	Bơm tiêm nạp sẵn 1 liều vắc-xin (0,5 ml) chứa: Tinh chế từ vỏ Vi polysaccharid của vi khuẩn thương hàn <i>Salmonella typhi</i> (chủng Ty2) 25mcg	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	150

Điền thông tin khối lượng cần yêu cầu

Lưu ý: Định dạng dấu chấm ngăn cách phần nghìn, dấu phẩy ngăn cách phần thập phân. Tối đa 4 số thập phân sau dấu ; ;
Ví dụ: 2.362.5505; ...
BMT nên kiểm tra lại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biểu định dạng hiển thị đang dùng trong Excel;
<https://print.sc-kd/f4BXJobx>

Nhập thông tin Tên hoạt chất/Tên thành phần thuốc cần yếu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất/Tên thành phần thuốc cần yếu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất/Tên thành phần thuốc cần yếu cầu

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
7	VX.07	Vắc xin phối hợp phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván chứa: - Giải độc tố bạch hầu; - Giải độc tố uốn ván; - Giải độc tố ho gà; - Filamentous Haemagglutinin; - Pertactin (Boostrix)	Nhóm 1	Giải độc tố bạch hầu ≥ 2 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 20 IU; Giải độc tố ho gà 8 μ g; Filamentous Haemagglutinin 8 μ g; Pertactin 2,5 μ g/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ	200
8	VX.08	Vắc xin polysaccharide phế cầu liên hợp với protein D của Haemophilus influenzae không định type chứa: polysaccharide của các type huyết thanh 1 ^{1,2} , 5 ^{1,2} , 6B ^{1,2} , 7F ^{1,2} , 9V ^{1,2} , 14 ^{1,2} , 23F ^{1,2} và các type huyết thanh 4 ^{1,2} , 18C ^{1,2} , 19F ^{1,2} (Synflorix)	Nhóm 1	1mcg 3mcg/0,5 ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	200
9	VX.09	Vắc xin cộng hợp polysaccharid phế cầu khuẩn (13 type) chứa: - Huyết thanh type 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 23F; polysaccharid phế cầu khuẩn - Huyết thanh type 6B polysaccharid phế cầu khuẩn - Protein vận chuyển CRM197 (Prevenar 13)	Nhóm 1	Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	900

Nhập số thứ tự hàng tin Mã thuốc dân từ cần yêu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu

Nhập thông tin Nồng độ, hàm lượng ví dụ: 5mg/1ml...

Nhập thông tin Đường dùng ví dụ: Uống/Tiêm/truyền...

Nhập thông tin Dạng bào chế ví dụ: Dung dịch/nêm Viên nén bao phim

Nhập thông tin Đơn vị tính ví dụ: Ống tiêm g/Thộp Từ g/Viên...

Điện thoại tin khối lượng cần yêu cầu.

Lưu ý: Định dạng đầu chân ngoặc cách phân nghìn, dấu phẩy ngăn cách phần thập phân. Tối đa 4 số thập phân sau dấu ''

Ví dụ: 2.362.5505;...

BMT nên kiểm tra lại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biết định dạng hiện tại đang dùng trong Excel.

<https://pmc-sc-KD1F-JBXloxb>

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
10	VX.10	Vắc xin polysaccharide phế cầu cộng hợp với protein mang CRM197 (PCV20)	Nhóm 1	2,2 µg huyết thanh typ 1* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 3* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 4* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 5* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 6A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 4,4 µg huyết thanh typ 6B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 7F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 8* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 9V* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 10A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 11A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 12F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 14* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 15B* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 18C* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19A* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 19F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 22F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml, 2,2 µg huyết thanh typ 23F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml 2,2 µg huyết thanh typ 33F* polysaccharide của phế cầu khuẩn/0,5ml *Cộng hợp với protein mang CRM197 (khối lượng 51mcg mỗi liều) và hấp phụ trên nhóm phosphat (0,125 mg nhóm mỗi liều)	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Bơm tiêm	900
11	VX.11	Mỗi liều (0,5 ml) chứa 2mcg polysaccharid phế cầu của các typ huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4mcg typ huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhóm phosphat (VAXNEUVANCE)	Nhóm 1	Mỗi liều (0,5 ml) chứa 2mcg polysaccharid phế cầu của các typ huyết thanh 1, 3, 4, 5, 6A, 7F, 9V, 14, 18C, 19A, 19F, 22F, 23F, 33F và 4mcg typ huyết thanh 6B cộng hợp với protein vận chuyển CRM197, và được hấp phụ trên chất bổ trợ muối nhóm phosphat.	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Bơm tiêm	500
12	VX.12	Vắc xin phòng thủy đậu chứa: Okav/Merck varicella virus, live, attenuated (Varivax)	Nhóm 1	>= 1350 PFU	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Lọ	300

Điện thông tin khối lượng cần yếu

Lưu ý: Định dạng đầu chấm ngăn cách phần nghìn, dấu phẩy ngăn cách phần thập phân. Tối đa 4 số thập phân sau dấu ;
Ví dụ: 2.362.5505; ...
BMT* nên kiểm tra lại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biết định dạng hiện tại đang dùng trong Excel:
<https://print.sc-kdlf-4BXJobx>

Nhập thông tin
Đường dùng vì
đặc: Uống/Tiêm/
truyền...

Nhập thông tin
Đường dùng vì
đặc: Uống/Tiêm/
truyền...

Nhập thông tin
Đường dùng vì
đặc: Uống/Tiêm/
truyền...

Nhập thông tin
Đường dùng vì
đặc: Uống/Tiêm/
truyền...

Nhập thông tin
Đường dùng vì
đặc: Uống/Tiêm/
truyền...

Nhập thông tin
Đường dùng vì
đặc: Uống/Tiêm/
truyền...

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
13	VX.13	Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung (vắc xin tái tổ hợp từ giả phòng virus HPV ở người type 6,11,16,18) chứa: protein L1 HPV6, protein L1 HPV11, protein L1 HPV16, protein L1 HPV18 (Gardasil 4)	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5 ml chứa 20 mcg protein L1 HPV6, 40 mcg protein L1 HPV11, 40 mcg protein L1 HPV16, 20 mcg protein L1 HPV18	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Lọ	100
14	VX.14	Vắc xin phòng tiêu chảy do Rotavirus chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 (Rotarix)	Nhóm 1	≥10 6,0 CCID50/1,5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Liều	500
15	VX.15	Vắc xin phòng viêm gan A chứa virus viêm gan A (chủng GBM) bất hoạt (Avaxim 80 U Pediatric)	Nhóm 1	80U/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	300
16	VX.16	Huyết thanh kháng uốn ván (Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế)(SAT)	Nhóm 4	1500 IU	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Ống	200
17	VX.17	Vắc xin phòng viêm gan A chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virus viêm gan A tinh khiết (Vắc xin viêm gan A tinh khiết, bất hoạt HAVAX)	Nhóm 4	<100mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm,	Lọ	1000
18	VX.18	Vắc xin phòng bệnh Viêm gan B chứa kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết (Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-HBVAX)	Nhóm 4	20mcg/1ml	20mcg/1m l	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	2000
19	VX.19	Vắc xin phòng bệnh Viêm gan B chứa kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết (Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-HBVAX)	Nhóm 4	10mcg/0,5ml	10mcg/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	200
20	VX.20	Vắc xin phòng cúm mùa chứa: Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: - Chủng A/H1N1 (NYMC -179A), A/California/07/2009) - Chủng A/H3N2 (NYMC -263B), A/HongKong/4801/2014) - Chủng B (NYMC BX-35, B/Brisbane/60/2008)(Ivacflu -S)	Nhóm 4	(15mcg chủng A/H1N1 + 15mcg chủng A/H3N2 + 15mcg chủng B)/0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Liều	500
21	VX.21	Vắc xin phòng bệnh do Hib chứa Polysaccharide polyribosylribitol phosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván (QUIMI-HIB)	Nhóm 5	10 mcg PRP cộng hợp với (20,8-31,25mcg) giải độc tố uốn ván/0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Lọ	1000
22	VX.22	Vắc xin phòng viêm gan B chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HbsAg (Heberbiovac HB)	Nhóm 5	20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Lọ	2000

Nhập số thức tư tăng dân từ 1
Nhập thông tin mã thuốc cần
Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu
Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu
Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu
Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu

Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu
Nhập thông tin Tên hoạt chất Tên thành phần thuốc cần yêu cầu

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
23	VX.23	Vắc xin phòng viêm gan B chứa: Protein kháng nguyên bề mặt HbsAg (Heberbiovac HB)	Nhóm 5	10mcg/ 0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Lọ	300
24	VX.24	Vắc xin phòng bệnh Zona (ngừa Herpes Zoster) (SHINGRIX)	Nhóm 1	0,5ml	Tiêm bắp	Bột và hỗn dịch pha hỗn dịch tiêm	Hộp	500
25	VX.25	Vắc xin phòng sốt xuất huyết (Odenega)	Nhóm 5	0,5ml	Tiêm dưới da	Bột pha tiêm	Liều	1000
26	VX.26	Kháng thể kháng vi rút đại (IVACRIG (Huyết thanh kháng đại tinh chế))	Nhóm 4	1.000 IU/0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Lọ	200
27	VX.27	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1, kh	Nhóm 2	(Type A H1N1- 15mcg, type A H3N2- 15mcg, type B- 15mcg, type B- 15mcg)/0,5ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	3000

Diễn thông tin khối lượng cần yêu cầu.
Lưu ý: Định dạng đầu chân ngôn cách phân nghìn, dấu phẩy ngăn cách phần thập phân. Tới đa 4 số thập phân sau dấu ‘.’.
Ví dụ: 2.362.5505; ...
BUT nên kiểm tra tại cài đặt định dạng hiển thị trên máy trong Control panel để biết định dạng hiện tại đang dùng trong Excel: https://pmt.sc-4DL-FBXLox